

BÁO CÁO
Thường niên năm 2022

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch:

CÔNG TY CỔ PHẦN MẠ KẼM CÔNG NGHIỆP VINGAL - VNSTEEL

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3600239028

- Vốn điều lệ: 93.251.550.000 đồng

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 93.251.550.000 đồng

- Địa chỉ: Số 4, đường 2A, KCN Biên Hòa II, P.Long Bình Tân, TP.Biên Hòa. Tỉnh Đồng Nai

- Số điện thoại: 0251.3836 661

- Số fax: 0251.3836.726

- Website: www.vingal.com

- Mã cổ phiếu: VGL

Quá trình hình thành và phát triển

Ngày 30/06/1995, Công ty được thành lập theo Giấy phép đầu tư số 1295/GP cấp ngày 30/6/1995, do 2 bên gồm: Bên Việt Nam: Công ty Thép Miền Nam góp 35% vốn pháp định và Công ty Delta Group Australia Pty Ltd góp 65% vốn pháp định.

Sau 2 năm thành lập, Công ty Delta Group Australia Pty Ltd chuyển nhượng 10% vốn pháp định cho bên thứ 3 là Công Ty TNHH Thương Mại Thép Việt (Trụ sở: 42 Lữ Gia, Quận 11, TP.HCM).

Ngày 31/07/2001, Công ty Delta Group Australia Pty Ltd chuyển nhượng toàn bộ vốn góp của mình cho Công ty Delta Electrical And Engineering Holdding B.V.

Ngày 30/01/2008, Tổng Công ty Thép Việt Nam mua lại toàn bộ phần vốn góp của Delta Electrical And Engineering Holdding B.V và chuyển đổi Vingal từ Công ty Liên doanh thành Công ty TNHH hai thành viên với 100% vốn trong nước, trong đó, Tổng Công ty Thép Việt Nam giữ 90% vốn điều lệ và Công ty TNHH Thương mại Thép Việt chiếm 10% vốn điều lệ.

Công ty được chuyển đổi từ loại hình Công ty TNHH Hai thành viên trở lên theo Nghị quyết số 44/NQ-VNS ngày 25/11/2010 của Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP về việc phê duyệt phương án chuyển đổi Công ty Sản xuất Sản phẩm Mạ Công nghiệp Vingal thành Công ty Cổ phần Sản xuất Sản phẩm Mạ Công nghiệp Vingal.

Ngày 01/08/2012, Công ty chính thức chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Sản xuất Sản phẩm Mạ Công nghiệp Vingal theo giấy chứng nhận đầu tư với mã số: 472031000389 đăng ký lần đầu ngày 30/06/1995, thay đổi lần thứ năm ngày 01/08/2015 do Ban Quản lý Các Khu Công nghiệp Đồng Nai phê duyệt.

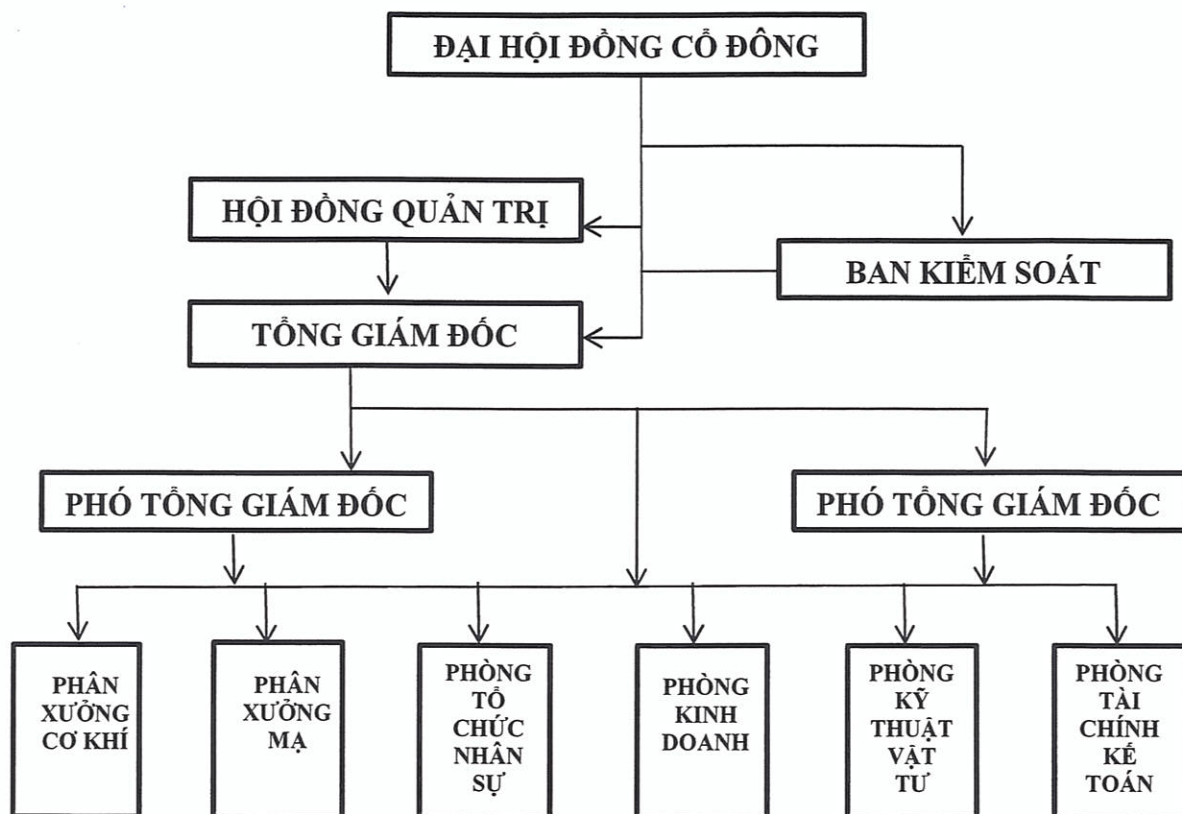
Ngày 28/04/2016, Công ty chính thức đổi tên thành Công ty Cổ phần Mạ kẽm Công nghiệp Vingal – Vnsteel (Công ty Vingal) theo Giấy chứng nhận đăng kí doanh nghiệp với mã số doanh nghiệp 3600239028 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 30/06/1995 và đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 01/03/2018.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh: Hoạt động chính của Công ty Vingal là: Sản xuất các sản phẩm thép và thép mạ.
- Địa bàn kinh doanh: Các tỉnh thuộc khu vực miền nam Việt Nam

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị: Công ty tổ chức quản lý và hoạt động theo mô hình: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc.
- Cơ cấu bộ máy quản lý:



- Công ty mẹ: Tổng công ty Thép Việt Nam – CTCP sở hữu 51% vốn điều lệ Công ty.

4. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- + Tiếp tục duy trì và nâng cao vị thế và thương hiệu mạ kẽm của Công ty Vingal, tập trung vào tiên độ và hiệu quả sản xuất để tạo lợi thế cạnh tranh.
- + Nâng cấp một số thiết bị, máy móc chất lượng cao nhằm đẩy mạnh chất lượng các mặt hàng cán ống và cơ khí góp phần tạo ưu thế cạnh tranh cho công ty.
- + Tập trung phát triển sản xuất hàng xuất khẩu bao gồm: trang bị máy móc cho xưởng cơ khí, hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn phù hợp chuẩn quốc tế. Tích cực thu hút khách hàng từ các nước trên thế giới như: Nhật, Úc, Mỹ, Canada để tăng tỷ trọng xuất khẩu trong cơ cấu của công ty.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Công ty Vingal xây dựng chiến lược phát triển đồng bộ về tất cả mặt như: công tác

quản lý, công tác đào tạo nguồn nhân lực, công tác sản xuất và công tác tiêu thụ nhằm khẳng định thương hiệu Vingal là thương hiệu vững mạnh ở thị trường trong nước và trên thế giới.

- + Xây dựng phát triển thương hiệu sản phẩm Mạ gia công của công ty là thương hiệu tốt nhất trong lĩnh vực mạ Mạ kẽm nhúng nóng trên thị trường.
- + Xây dựng tập thể cán bộ công nhân viên đoàn kết, tập trung chăm lo ngày càng tốt hơn đời sống cán bộ công nhân viên. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty.
- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty.
- + Công ty tích cực tham gia, hưởng ứng các công tác xã hội do Nhà nước và các tổ chức Đoàn thể phát động như: thăm trại trẻ mồ côi, khuyết tật; thăm các cụ già neo đơn; hiến máu nhân đạo,...

5. Các rủi ro

- Năm 2022, nền kinh tế thế giới đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức do những tác động tiêu cực từ cuộc xung đột Nga – Ukraina, khủng hoảng khí đốt ở Châu Âu, lạm phát duy trì ở mức cao nhất là Châu Âu và Mỹ. Lãi suất tăng, chính sách thắt chặt tiền tệ ở nhiều quốc gia và những biện pháp kiểm soát dịch bệnh Covid – 19 kéo dài tại Trung Quốc ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động SXKD.

- Các sản phẩm truyền thống, chủ lực của Công ty xuất sang thị trường Mỹ, các nước Châu Âu, Nhật Bản gặp nhiều khó khăn do chi phí xuất khẩu tăng;

- Do lạm phát tăng cao, các dự án mạ kẽm hàng kết cấu xuất khẩu giảm, các dự án đang đàm phán chưa triển khai, mức tiêu thụ giảm nhiều.

- Trong nước do thiếu nguồn vốn, các dự án công về giao thông, xây dựng chậm triển khai ảnh hưởng rất nhiều đến sản lượng hàng mạ vào công ty.

- Khả năng cung ứng hàng mạ kẽm nhúng nóng trong khu vực đã vượt xa nhu cầu, làm cho sự cạnh tranh về giá và thị phần giữa các nhà sản xuất mạ kẽm nhúng nóng ngày càng gay gắt. Trong khi đó, giá nguyên liệu kẽm lại biến động phức tạp, tăng giảm khó lường.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2022 (NQ ĐHĐCĐ)	Năm 2022	Năm 2021	Tỷ lệ so với kế hoạch 2022 (%)	Tỷ lệ so với năm 2021 (%)
A	1	2	3	4=2/1	5=2/3
1. Sản xuất (tấn)	36.800	36.852	39.095	100,14	94,26
Mạ gia công	34.400	34.583	36.421	100,53	94,95
Gia công CK	2.400	2.269	2.674	94,55	84,86
2. Tiêu thụ (tấn)	36.800	37.502	38.894	101,91	96,42
Mạ gia công	34.400	35.245	36.030	102,46	97,82
Gia công CK	2.400	2.256	2.864	94,01	78,78
3. Doanh thu (tr.đ)	330.500	381.641	341.322	115,47	111,81
3.1 Theo thị trường					
- Trong nước		250.813	241.310		103,94
- Xuất khẩu		130.828	100.012		130,81
3.2 Theo kết cấu SP					
- Mạ gia công		257.274	217.456		118,31
- Cơ khí		106.191	106.934		99,31
- Khác		18.176	16.932		107,36
4. Lợi nhuận					
4.1 LN tr. thuế (tr.đ)	18.500	23.183	22.102	125,32	104,89
4.2 LN sau thuế(tr. đ)	14.750	18.470	17.611	125,22	104,88
5. Tỷ suất LNST/ Vốn đầu tư của CSH (%)	15,82	19,81	18,98	125,22	104,88
6. Thu nhập BQ /tháng /người (ng.đ)	16.060	17.535	17.166	109,78	102,15

- Thực hiện năm 2022 so với kế hoạch

Sản lượng sản xuất Mạ đạt 100,53%, Sản lượng tiêu thụ Mạ đạt 102,46%;

Sản lượng sản xuất Cơ khí đạt 94,55%, Sản lượng tiêu thụ Cơ khí đạt 94,01%;

Lợi nhuận sau thuế đạt 125,22%.

- Thực hiện năm 2022 so với cùng kỳ 2021

Sản lượng sản xuất Mạ đạt 94,95%, Sản lượng tiêu thụ Mạ đạt 97,82%,

Sản lượng sản xuất Cơ khí đạt 84,86%, Sản lượng tiêu thụ Cơ khí đạt 78,78%

Lợi nhuận sau thuế đạt 104,88%.

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
1	Nguyễn Minh Tính	Tổng giám đốc Đại diện sở hữu	1.902.452	20,40	
2	Nguyễn Thị Thanh Thảo	Phó Tổng giám đốc Sở hữu cá nhân	2.000.000	21,45	
3	Hoàng Văn Nam	Phó Tổng giám đốc Sở hữu cá nhân	1.200	0,01	Bổ nhiệm ngày 15/08/2022
4	Trần Thanh Toàn	Phó Tổng giám đốc			Miễn nhiệm ngày 01/04/2022
5	Lê Sơn Nam	Kế Toán trưởng			

- Tình hình lao động trong năm 2022

STT	Lao động	Số người	Tỷ lệ
1	Lao động nữ	8	3,8%
2	Lao động nam	204	96,2%
	Tổng cộng	212	100%

Chính sách đối với người lao động: Công ty Vingal ký hợp đồng lao động với tất cả CBCNV trong công ty, người lao động được hưởng các chế độ chính sách đúng theo Luật lao động hiện hành về việc làm, tiền lương, chăm lo bữa ăn giữa ca, bồi dưỡng độc hại,... Ngoài ra công ty còn thực hiện tham quan du lịch cho tất cả CBCNV vào hàng năm, cung cấp đầy đủ bảo hộ lao động và thực hiện công tác an toàn lao động cho toàn công ty.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Theo kế hoạch được phê duyệt

STT	Tên dự án	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Giá trị giải ngân (tỷ đồng)	Ghi chú
1	Dự án chuyển tiếp	3,950	3,835	
1.1	Xe nâng 6 tấn	2,200	1,933	Đã quyết toán trong tháng 7/2022

2	Kế hoạch đầu tư mua sắm, nâng cấp TSCĐ	0,960	0,942	
2.1	Cải tạo nhà kho số 3 phân xưởng Mạ	0,960	0,942	Đã quyết toán trong tháng 7/2022
	Tổng cộng	3,160	2,875	

- Công tác đầu tư được thực hiện theo kế hoạch, trong năm 2022 đã thực hiện hoàn thành quyết toán 02 hạng mục đầu tư. Tổng giá trị giải ngân trong năm 2022 là 2,875 tỷ đồng.

Các hạng mục mua sắm trang bị bổ sung

- Ngoài những hạng mục đầu tư trên, để đáp ứng yêu cầu kế hoạch sản xuất, trong năm 2022, Công ty đã thực hiện bổ sung thêm các hạng mục sau:

STT	Hạng mục	ĐVT	Thực hiện	Ghi chú
1	Cầu trục 03 tấn	Tr.đồng	377,905	Hoàn thành T7/2022
2	Cung cấp lắp đặt màn hình tương tác AHA ULTRA 86 inch phòng họp số 1	Tr.đồng	88,715	Hoàn thành T9/2022
3	Phần mềm Rosy (giai đoạn 2)	Tr.đồng	490,00	Hoàn thành T12/2022
	Tổng	Tr.đồng	956,62	

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

ĐVT: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2021	Tăng/Giảm
Tổng giá trị tài sản	141.963.833.678	147.657.067.419	-3,86%
Doanh thu thuần	381.641.186.027	341.332.070.911	11,81%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	23.129.628.774	21.847.082.555	5,87%
Lợi nhuận khác	53.750.832	255.395.319	-78,95%
Lợi nhuận trước thuế	23.183.379.606	22.102.477.874	4,89%

Lợi nhuận sau thuế	18.469.980.227	17.611.184.297	4,88%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	86%	100%	-14%

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2022	Năm 2021
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	Lần	5,29	4,62
+ Hệ số thanh toán nhanh: <u>TSLĐ - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	Lần	2,39	1,63
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	14,95	16,93
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	71,43	77,74
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho: <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân	Lần	4,80	4,21
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	2,69	2,31
+ Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	4,84	5,16
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	15,30	14,36
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	13,01	11,93
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	6,06	6,40

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Tổng số cổ phần: 9.325.155 cổ phần

a) Cổ phần

Số cổ phần lưu hành: 9.325.155 cổ phần

Loại cổ phần lưu hành: Cổ phần phổ thông

Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 9.325.155 cổ phần

Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần

b) Cơ cấu cổ đông:

+ Tổng công ty thép Việt Nam – CTCP	: 4.756.130 cổ phần
+ Công ty cổ phần CIC39	: 854.515 cổ phần
+ Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo	: 2.000.000 cổ phần
+ Ông Vũ Đình Huy	: 1.180.000 cổ phần
+ Các cổ đông khác	: 534.510 cổ phần

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Tác động lên môi trường

- Công ty đã thực hiện theo đúng các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường theo yêu cầu của các Quyết định phê duyệt Báo cáo Đánh giá tác động môi trường, cụ thể như sau:

- Hệ thống thoát nước mưa đã được tách riêng với hệ thống thoát nước thải.
- Công ty đã đầu tư xây dựng Hệ thống xử lý nước thải với công suất 12 m³/ngày nhằm thu gom và xử lý nước thải sản xuất đảm bảo đạt quy định đầu nối của KCN Biên Hòa II.
- Trang bị đầy đủ dụng cụ bảo hộ lao động cho công nhân trực tiếp sản xuất như găng tay, khẩu trang, ...
- Duy trì diện tích cây xanh trong khuôn viên Công ty nhằm giảm thiểu ô nhiễm phát tán ra môi trường xung quanh.
- Công ty đã tiến hành thu gom và phân loại chất thải rắn tại nguồn, bố trí lưu giữ an toàn và đúng quy định, đồng thời lập báo cáo định kỳ về khối lượng chất thải phát sinh, lưu giữ tạm thời tại kho chứa chất thải của Công ty. Chất thải nguy hại được thu gom, phân loại và được lưu giữ tại khu chứa chất thải.
- Thường xuyên đo kiểm Môi trường lao động để đánh giá chất lượng môi trường để kịp thời xử lý, báo cáo lên các cơ quan chức năng.

- Trong năm 2022, Công ty lập các Báo cáo quan trắc môi trường định kỳ nộp lên Sở Tài Nguyên Môi Trường tỉnh Đồng Nai.

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm

NGUYÊN VẬT LIỆU	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG
PHÔI CUỘN THÀNH PHẨM	TẤN	293
KẼM	TẤN	1.884
CHẤT TẠO VÂN HEGA ALLOY DAST 10	TẤN	17,4
NIKEN	TẤN	3,2
CHÌ	TẤN	7,4

6.3. Tiêu thụ năng lượng

Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp

NHIÊN LIỆU	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG
XĂNG	LÍT	16.130
KHÍ CNG	MMBTU	23.903
KHÍ LPG	KG	25.646
DẦU DIESEL	LÍT	77.460
ĐIỆN	KW	1.245.435

6.4. Tiêu thụ nước

Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng

- Nguồn cung cấp nước: Công ty CP dịch vụ Sonadezi Long Bình.
- Lượng nước tiêu thụ trong năm 2022: 34.597 m³.

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Công ty cổ phần mạ kẽm công nghiệp Vingal – Vnsteel thực hiện đầy đủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, cụ thể như:

- Đo kiểm Môi trường lao động, lập báo cáo nộp lên Sở lao động Thương binh xã hội tỉnh Đồng Nai

- Đo kiểm môi trường lao động do Trung Tâm Sức Khỏe Môi Trường Yec Xanh thực hiện.

- Lập báo Quan trắc môi trường năm 2022 nộp lên Sở Tài Nguyên Môi Trường tỉnh Đồng Nai.

Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường

- Số lần bị xử phạt: 0 lần

Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường

- Tổng số tiền bị xử phạt: 0 đồng

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

- Số lượng Lao động: 212 lao động

- Mức lương bình quân: 17.535.000 đồng

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.

- Cung cấp đầy đủ quần áo, dụng cụ bảo hộ lao động cần thiết cho công nhân viên

- Cung cấp sữa bồi dưỡng độc hại hàng tháng cho người lao động

- Thực hiện tham quan du lịch cho toàn bộ cán bộ công nhân viên vào hàng năm

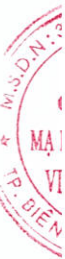
- Thuê trực ban y tế để xử lý kịp thời các trường hợp tai nạn lao động.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp: Các khóa học đào tạo an toàn, phòng chống chữa cháy, nâng bậc, nâng cao trình độ tay nghề cho người lao động,...

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

- Công tác an sinh xã hội luôn được Công ty quan tâm và tích cực tham gia. Năm



2022, Công ty tích cực hưởng tham gia các chương trình xã hội từ thiện tại địa phương.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Năm 2022 là một năm khó khăn đối với kinh tế Việt Nam do sự tác động của dịch bệnh, xung đột giữa Nga và Ukraina, lạm phát gia tăng... Tuy nhiên, do lường trước được những khó khăn, Công ty đã xây dựng và triển khai nhiều giải pháp duy trì và ổn định sản xuất kinh doanh có hiệu quả, đảm bảo việc làm, thu nhập cho người lao động, thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội. Công ty đã xây dựng nhiều phương án trong việc tìm kiếm hướng đi mới với các sản phẩm khác để thay thế, thay đổi cơ cấu sản phẩm. Cùng với đó là quyết tâm của cả đội ngũ cán bộ, người lao động nên tình hình SXKD của Công ty vẫn ổn định và đạt được kế hoạch đề ra. Việc làm, thu nhập, đời sống vật chất, tinh thần của người lao động được giữ vững, nội bộ ổn định, đoàn kết. Cụ thể:

- Tổng sản lượng sản xuất/tiêu thụ hoàn thành kế hoạch.
- Doanh thu đạt 381 tỷ đồng vượt 15,47% so với kế hoạch.
- Lợi nhuận trước thuế đạt 23,2 tỷ đồng vượt 25,32% so với kế hoạch.

Về lao động và tiền lương bình quân của người lao động: Lao động bình quân là 212 người. Tiền lương bình quân năm 2022 đạt mức 17.535.000 đồng/người/tháng vượt 9,18% so với kế hoạch.

Những tiến bộ công ty đã đạt được

- Công ty có nhiều cải tiến kỹ thuật, giải pháp công nghệ nhằm làm tăng năng suất lao động giúp tăng khả năng cạnh tranh.
- Áp dụng phần mềm vào quá trình sản xuất kinh doanh giúp công tác quản trị ngày càng hiệu quả hơn.
- Công tác an toàn lao động và môi trường tuân theo đúng quy định.
- Nguồn tài chính ổn định đảm bảo cho các hoạt động kinh doanh sản xuất.
- Cải tiến quy trình quản lý và sản xuất nhằm nâng cao năng lực điều hành quản lý.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

ĐVT: Đồng

STT	NỘI DUNG	31/12/2022	31/12/2021	SỐ SÁNH (%)
I	TÀI SẢN NGẮN HẠN	112.257.826.006	115.398.355.612	97,28
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	32.846.034.283	16.535.506.530	198,64
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	
3	Các khoản phải thu	16.353.179.196	19.804.927.081	82,57
4	Hàng tồn kho	61.648.318.211	74.731.046.683	82,49
5	Tài sản ngắn hạn khác	1.410.294.316	4.326.875.318	32,59
II	TÀI SẢN DÀI HẠN	29.706.007.672	34.121.545.537	87,06
1	Các khoản phải thu dài hạn	-	-	-
2	Tài sản cố định hữu hình	29.706.007.672	32.163.939.107	92,36
3	Tài sản dở dang dài hạn	-	94.772.700	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	141.963.833.678	147.657.067.419	96,14

b) Tình hình nợ phải trả

ĐVT: Đồng

STT	CHỈ TIÊU	31/12/2022	31/12/2021	SỐ SÁNH (%)
	Nợ phải trả	21.218.145.709	25.002.999.677	84,86
1	Phải trả người bán	3.960.339.314	7.007.883.598	56,51
2	Người mua trả tiền trước	1.797.464.472	2.063.560.343	87,11
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.150.635.499	1.842.185.192	62,46

4	Phải trả người lao động	13.244.795.390	12.561.251.072	105,44
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	62.650.900	-	-
6	Các khoản phải trả phải nộp khác	448.164.142	570.317.069	78,58
7	Quỹ khen thưởng phúc lợi	554.095.992	957.802.403	57,85

Các khoản nợ phải trả vào thời điểm cuối 2022 giảm so với năm 2021, cụ thể là bằng 84,86%. Nguyên nhân chủ yếu là do khoản Phải trả người bán giảm mạnh so với năm 2021.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Công ty xây dựng và triển khai thực hiện nhiều giải pháp nhằm chấn chỉnh công tác tổ chức sản xuất, sắp xếp hợp lý khoa học để tăng năng suất lao động, tiết kiệm tiêu hao vật tư nguyên liệu, quản lý chặt chẽ giá thành sản phẩm nhằm góp phần làm giảm và tiết kiệm tối đa chi phí sản xuất, nâng cao năng lực sản xuất, đặc biệt coi trọng khâu chất lượng sản phẩm và công tác chăm sóc phục vụ khách hàng, cụ thể:

- Rà soát và sửa đổi bổ sung để ban hành nhiều quy chế, quy trình về quản lý để bảo đảm hoạt động SXKD tuân thủ đúng luật định như soạn thảo quy chế tổ chức và hoạt động của từng đơn vị phòng/ban phân xưởng trong công ty nhằm hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị, khắc phục triệt để sự chồng chéo, trùng lặp góp phần tinh gọn bộ máy; xây dựng bảng mô tả công việc đối với từng chức danh, vị trí công việc...
- Công tác mua hàng được rà soát kỹ lưỡng theo kế hoạch và đơn hàng sản xuất.
- Vật tư mua về nhập kho vật tư Công ty do phòng KTVT quản lý, việc cấp phát vật tư, trang thiết bị được chia thành từng đợt đáp ứng đầy đủ nhu cầu cần thiết của các phân xưởng nhằm tiết kiệm, tránh lãng phí.
- Tuân thủ việc kiểm tra chất lượng sản phẩm cơ khí trước khi xuất kho theo quy định kiểm tra sản phẩm gia công cơ khí.
- Tăng cường công tác KCS, phối hợp với phân xưởng Mạ, phân xưởng Cơ Khí đảm bảo chất lượng sản phẩm.
- Tuân thủ nghiêm ngặt nguyên tắc thu cũ đổi mới trong việc cấp phát các loại vật

tư như son ATM, máy mài hơi. Các lon son đã qua sử dụng phải được đập bẹp và cho vào thùng chứa để chuyển vào kho chứa CTNH.

- Hoàn thiện phần mềm quản lý cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, thực hiện áp dụng ở các phân xưởng, phòng ban và triển khai ký duyệt điện tử trên phần mềm ở các bộ phận.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Năm 2023, tình hình thế giới dự báo tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường và còn nhiều thách thức bởi ảnh hưởng từ xung đột và chiến tranh thương mại giữa các quốc gia. Kinh tế trong nước bị ảnh hưởng bởi lạm phát gia tăng và chính sách thắt chặt tín dụng của ngân hàng nhà nước. Trong khi đó, đại dịch COVID-19 vẫn còn lây lan và xuất hiện nhiều biến chủng mới trên thế giới tác động tiêu cực đến nền kinh tế.

- Giá nguyên liệu chính đầu vào là kẽm đang diễn biến phức tạp và khó lường, trong khi đó sự cạnh tranh về giá và thị phần giữa các nhà sản xuất mạ kẽm ngày càng gay gắt ảnh hưởng tiêu cực đến kết quả kinh doanh của năm 2023.

- Trên cơ sở kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022, kết hợp với các yếu tố nhận định tình hình, đánh giá những khó khăn, thuận lợi như trên, Công ty xác định mục tiêu và xây dựng chỉ tiêu kế hoạch năm 2023 như sau:

a. Dự kiến kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023:

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2023	Ghi chú
1. Sản xuất (tấn)	36.000	
<i>Mạ gia công</i>	34.400	
<i>Gia công CK</i>	2.400	
2. Tiêu thụ (tấn)	36.000	
<i>Mạ gia công</i>	34.400	
<i>Gia công CK</i>	2.400	
3. Doanh thu (tr.đồng)	340.000	
<i>Trong nước</i>	225.000	
<i>Xuất Khẩu</i>	115.000	
4. Lợi nhuận (tr.đồng)		
<i>Trước thuế</i>	20.000	
<i>Sau thuế</i>	15.950	



Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2023	Ghi chú
5. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế /Vốn đầu tư CSH (%)	17,1	
6. Thu nhập bình quân /người/tháng (tr.đồng)	17,53	

b. Kế hoạch đầu tư năm 2022

ĐVT: Triệu đồng

TT	Tên thiết bị, phương tiện	ĐVT	Kế hoạch	Ghi chú
	<i>Kế hoạch đầu tư mua sắm, nâng cấp TSCĐ</i>	<i>Tr.đồng</i>	1.960	
1	Cải tạo nhà kho số 4 PX Mạ	Tr.đồng	980	
2	Cầu trục 3 tấn PX Mạ	Tr.đồng	500	
3	Mua sắm Cầu trục một dầm (5T+5T)x 18,9M	Tr.đồng	4.500	
Tổng		Tr.đồng	5.980	

5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Biện pháp cải tạo môi trường và xử lý chất thải năm 2022 của Công ty:

- Xử lý rác sinh hoạt: Công ty ký kết hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý lượng rác thải sinh hoạt.
- Xử lý nước tràn: Công ty đã thực hiện những biện pháp sau đây để phòng ngừa, giảm thiểu ô nhiễm đối với nước mưa chảy tràn:
 - + Đã tách riêng hoàn toàn hệ thống cống thoát nước mưa với hệ thống cống thoát nước thải.
 - + Nước mưa từ mái nhà được thu gom bằng máng thu dẫn về tuyến ống đứng thông qua các cầu thu nước mưa có gắn song chắn rác để tách rác có kích thước lớn.
 - + Các hố ga sẽ định kỳ nạo vét để loại bỏ rác, cặn lắng, bùn thải sẽ được thu gom và xử lý.
 - + Khu vực lộ thiên có khả năng tiếp xúc trực tiếp với nước mưa như: đường giao thông nội bộ, sân bãi ... sẽ thường xuyên được dọn dẹp sạch sẽ, thu gom dầu mỡ, chất thải rơi vãi.
 - + Các kho chứa nguyên, nhiên liệu, hóa chất, chất thải đều được trang bị gờ

cao tránh xâm nhập nước mưa chảy tràn.

+ Khu vực sân bãi, đường nội bộ được xây dựng với độ dốc thích hợp để thoát nước nhanh, tránh tình trạng ứ đọng nước mưa trên bề mặt.

- Xử lý nước sinh hoạt: Công ty đầu tư hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt

- Xử lý nước thải sản xuất: Toàn bộ nước thải sản xuất được thu gom và xử lý tại hệ thống xử lý nước thải, công suất 12m³/ ngày.

- Xử lý khí thải: Về quản lý khí thải, ở các bể chứa axit dùng xử lý bề mặt kim loại trước khi mạ thường xuyên phát sinh hơi axit, Công ty Vingal áp dụng công nghệ sử dụng chất Kebo Antifuma chất ức chế bay hơi axit clohydric (HCL) vào môi trường không khí xung quanh khi nhúng và cả khi không nhúng sản phẩm thép vào trong bể chứa dung dịch axit clohydric (HCL).

Ban hành nội quy quy định các biện pháp bảo vệ môi trường ở các vị trí phát sinh khí, bụi, nước thải, chất thải rắn và CTNH trong hoạt động sản xuất;

- Xử lý chất thải nguy hại:

+ Chất thải nguy hại được phân loại, thu gom, lưu giữ tạm thời trong kho chứa có mái che, dán nhãn CTNH và định kỳ chuyển giao cho các đơn vị chức năng xử lý;

+ Thường xuyên sửa chữa các kho chứa CTNH đảm bảo kín, không bị mưa dột. Trang bị đầy đủ các thùng chứa rác thải có màu sắc khác nhau và được dán nhãn phân biệt chứa rác thải sinh hoạt và chứa rác thải nguy hại.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

- Công ty luôn thực hiện đúng theo quy định các chính sách đối với người lao động về tiền lương, bảo hiểm, nghỉ dưỡng và đào tạo. Trong năm 2021 thực hiện khám sức khỏe định kỳ cho cán bộ, công nhân viên, khám bệnh nghề nghiệp cho người lao động làm ở khu vực độc hại, nguy hiểm; duy trì việc chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người lao động.

- Công ty thực hiện đóng BHXH, BHYT, BHTN theo luật định. Đã phối hợp với Công đoàn chi tiền tham quan, nghỉ dưỡng cho CBCNV và trang bị đồng phục, đồ bảo hộ cho người lao động trong quá trình SXKD.

- Công ty thường xuyên tổ chức đối thoại với người lao động để giải đáp các kiến nghị, thắc mắc của người lao động một cách công khai, minh bạch trong Đại hội cổ đông và Hội nghị Người lao động...

- Tiến hành rà soát tất cả các quy trình, quy định về ATVSLĐ, PCCN của Công ty. Ban hành nội quy quy định các biện pháp bảo vệ môi trường ở các vị trí phát sinh khí, bụi, nước thải, chất thải rắn và CTNH trong hoạt động sản xuất.

- Tổ chức tuyên truyền, huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy chữa cháy cho toàn thể CBCNV trong Công ty.

- Đã tổ chức kiểm tra điều kiện an toàn tại các khu vực có sử dụng các máy thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động, xác định nguy cơ tiềm ẩn.

- Đã kiểm định các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về ATLĐ theo đúng hạn quy định và tất cả đều đạt yêu cầu.

- Thường xuyên tuyên truyền nhắc nhở người lao động nâng cao ý thức về công tác ATVSLĐ. Tăng cường hiệu quả của mạng lưới ATVSV.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

- Công tác an sinh xã hội luôn được Công ty quan tâm và tích cực tham gia. Năm 2022, bên cạnh tích cực hưởng ứng cùng với Tổng công ty Thép Việt Nam tham gia các chương trình xã hội từ thiện, Công ty cũng tham gia các hoạt động từ thiện tại địa phương.

- Tổ chức các hoạt động thể dục thể thao nhằm tạo người lao động sân chơi bổ ích lành mạnh, tăng cường tinh đoàn kết, gắn bó giữa đồng nghiệp, tặng quà và tổ chức cho các cháu học giỏi, xuất sắc là con của người lao động trong Công ty.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Theo đánh giá của Hội đồng quản trị, so với kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 thông qua Ban điều hành đã hoàn thành mục tiêu kết quả sản xuất kinh doanh đề ra.

- Sản lượng tiêu thụ vượt kế hoạch khoảng 2%.
- Doanh thu vượt kế hoạch hơn 15%

- Lợi nhuận trước thuế năm 2022 vượt kế hoạch hơn 25%.
- Thu nhập bình quân người lao động tăng gần 10% so với kế hoạch

Năm 2022, công ty Vingal đã đạt được những thành tựu nhất định, lợi nhuận vượt kế hoạch đề ra, các sản phẩm của công ty có mặt rộng rãi tại thị trường trong nước và đang phát triển ra ngoài nước, công tác quảng bá thương hiệu, mở rộng thị trường cũng được chú trọng.

Công ty thực hiện tốt các chính sách về người lao động, đóng BHXH, BHYT, BHTN đúng theo quy định hiện hành. Chăm lo đến sức khỏe người lao động bằng việc tổ chức khám sức khỏe định kỳ, bệnh nghề nghiệp; trang bị đầy đủ thiết bị bảo hộ đảm bảo an toàn cho người lao động. Thực hiện nghiêm túc các quy định trong công tác phòng chống dịch bệnh COVID-19.

Công ty cũng hoàn thành công tác về vệ sinh môi trường bảo đảm xử lý các nguồn thải đúng theo quy định.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

- Trong năm 2022, Ban điều hành đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm báo cáo, giải trình, công bố thông tin về hoạt động sản xuất kinh doanh đầy đủ, minh bạch và tuân thủ theo đúng quy định pháp luật hiện hành.

- Ban điều hành với tinh thần cầu thị, có nhiều nỗ lực và trách nhiệm cao trong việc thực hiện nhiệm vụ theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.

- Tổng giám đốc đã tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất của Công ty một cách cẩn trọng có hiệu quả mang lại lợi ích thiết thực cho Công ty. Tổng giám đốc thường xuyên báo cáo Hội đồng quản trị về tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty và các mặt hoạt động khác của Công ty để Hội đồng quản trị kịp thời có ý kiến chỉ đạo. Tổ chức triển khai thực hiện đúng các chính sách, chế độ theo đúng quy định Pháp luật và các chế độ đối với người lao động Công ty.

- Ban điều hành Công ty đã phối hợp hoạt động tốt và tinh thần đoàn kết nội bộ của cán bộ quản lý đã tạo ra môi trường làm việc chuyên nghiệp, thân thiện và gắn kết hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Tạo điều kiện thuận lợi hoàn thành các mục tiêu nhiệm vụ chiến lược do Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị đề ra và đưa Công ty



ngày càng phát triển.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Theo dõi sát sao diễn biến thị trường trong nước và thế giới, chủ động dự báo những biến động rủi ro thị trường, chỉ đạo Ban điều hành thực hiện quyết liệt hiệu quả các nội dung của nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết HĐQT đề ra nhằm đáp ứng tốt nhất các mục tiêu sản xuất kinh doanh.

- Tăng cường giám sát, hỗ trợ Ban điều hành trong điều hành sản xuất kinh doanh hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và kế hoạch sản xuất kinh doanh đã đề ra.

- Chỉ đạo Ban điều hành tiếp tục xây dựng và hoàn thiện các chính sách đáp ứng nhu cầu người lao động, trọng dụng nguồn nhân lực lành nghề lâu năm có chuyên môn cao.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a. Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ (thành viên HĐQT độc lập, TVHĐQT không điều hành)	Tỷ lệ sở hữu cổ phần	Ghi chú
1	Ông Phạm Thanh Lâm	TVHĐQT không điều hành Đại diện sở hữu	20,4%	
2	Ông Nguyễn Minh Tính	Đại diện sở hữu	20,4%	
3	Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai	TVHĐQT không điều hành Đại diện sở hữu	10,2%	
4	Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo	Sở hữu cá nhân	21,45%	
5	Ông Nguyễn Thế Anh Tuấn	TVHĐQT không điều hành Đại diện sở hữu		

b. Hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm 2022 Hội đồng quản trị tiến hành các cuộc họp như sau

Stt	Các cuộc họp	Ngày	Nội dung	
1	Cuộc họp HĐQT	26/03/2022	- Thông qua Tờ trình về việc quyết	

	ngày 26/03/2022		toán tiền lương thực hiện năm 2021. - Thông qua hồ sơ Đại hội cổ đông thường niên năm 2022.	
2	Cuộc họp HĐQT ngày 28/03/2022	28/03/2022	- Bầu Ông Phạm Thanh Lâm giữ chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần mạ kẽm công nghiệp Vingal – Vnsteel nhiệm kỳ 2022 – 2027. - Bổ nhiệm Bà Phạm Thị Phương Thảo giữ chức danh Người phụ trách quản trị Công ty kiêm Thư ký Công ty nhiệm kỳ 2022-2027. - Hội đồng quản trị giao Tổng giám đốc Công ty thực hiện các nội dung của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.	
3	Cuộc họp HĐQT ngày 26/04/2022	26/04/2022	- Thông qua Báo cáo thực hiện sản xuất kinh doanh Quý I năm 2022 và dự kiến kế hoạch sản xuất kinh doanh Quý II năm 2022 - Thông qua Tờ trình về việc ủy quyền cho Tổng giám đốc ký hợp đồng tín dụng	
4	Cuộc họp HĐQT 29/07/2022	29/07/2022	- Thông qua Báo cáo thực hiện sản xuất kinh doanh Quý II năm 2022 và dự kiến kế hoạch sản xuất kinh doanh Quý III năm 2022. - Thông qua định mức tiêu hao kinh tế kỹ thuật năm 2022. - Thông qua việc xây dựng thang bảng lương và phụ cấp đóng BHXH. - Thông qua kế hoạch lao động tiền lương năm 2022.	
5	Cuộc họp HĐQT 28/10/2022	28/10/2022	- Thông qua kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh Quý III và 9 tháng đầu năm 2022 và dự kiến kế hoạch sản xuất kinh doanh Quý IV năm 2022	



2. Ban kiểm soát

a. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

Stt	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS	Tỷ lệ sở hữu cổ phần
1	Ông Trần Tô Tử	Trưởng BKS	11/04/2017	
2	Ông Nguyễn Công Thủy	Thành viên BKS	11/04/2017	

3	Ông Tạ Anh Vũ	Thành viên BKS	01/01/2019
---	---------------	----------------	------------

b. Hoạt động của Ban kiểm soát

Trong năm 2022 Ban kiểm soát đã tiến hành các cuộc họp như sau:

Stt	Thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
1	Ông Nguyễn Công Thủy	1/1	100%	100%	
2	Ông Trần Tô Từ	1/1	100%	100%	
3	Ông Tạ Anh Vũ	1/1	100%	100%	

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

STT	Họ và tên	Chức danh	Tổng thu nhập	Ghi chú
1	Ông Phạm Thanh Lâm	Chủ tịch HĐQT	113.333.333	
2	Ông Nguyễn Thế Anh Tuấn	Ủy viên HĐQT	76.888.888	
3	Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai	Ủy viên HĐQT	76.888.888	
4	Ông Nguyễn Minh Tính	Ủy viên HĐQT Tổng giám đốc	760.382.000	
5	Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo	Ủy viên HĐQT Phó tổng giám đốc	658.382.000	
6	Ông Hoàng Văn Nam	Phó tổng giám đốc	114.490.000	Bỏ nhiệm ngày 15/08/2022
6	Ông Trần Thanh Toàn	Phó tổng giám đốc	319.200.000	Miễn nhiệm tháng 01/04/2022
7	Ông Trần Tô Từ	Trưởng BKS	73.333.332	
8	Ông Nguyễn Công Thủy	Thành viên BKS	221.200.000	
9	Ông Triệu Anh Vũ	Thành viên BKS	58.444.444	
10	Ông Lê Sơn Nam	Kế toán trưởng	426.418.368	Bỏ nhiệm tháng 16/10/2021
11	Ông Đỗ Bảo Trọng	Kế toán trưởng	74.000.000	Miễn nhiệm tháng 31/05/2021
Tổng cộng			2.972.961.253	

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: Không phát sinh

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: Không phát sinh

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán: Chấp nhận toàn bộ

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Đính kèm Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2022.

Nơi nhận:

- UBCK, HNX;
- Lưu: Thư ký Cty, VT./.

**Xác nhận của đại diện
theo pháp luật của Công ty
Tổng giám đốc**



Nguyễn Minh Tính



